TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HSST
Ngày: 07/01/2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Mai Thị Bình

2.Ông Nguyễn Văn Hạnh

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Phan Thanh Tùng - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà***: Ông Phạm Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 07/01/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 53/2019/TLST-HS ngày 27/11/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị P, sinh năm 1992, tại: xã Nga M, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; HKTT: TK 1, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Xóm 4, xã Nga V, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H và bà Phạm Thị X; chồng Trần Cao T, sinh năm 1989, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Phạm Huy H - Sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm 5, xã Nga Y, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt;

2/ Chị Lương Thị H - Sinh năm 1968; địa chỉ: Xóm 1, xã Nga P, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt;

** Người làm chứng:*

1/Anh Trần Cao T- Sinh năm 1989; địa chỉ: TK 1, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.Có mặt;

2/ Chị Trần Thị Y - Sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn Yên N, xã Nga Y, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt;

3/ Chị Phạm Thị X - Sinh năm 1969; địa chỉ: Xóm 2, Thị trấn NS (xã Nga M cũ), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt;

4/ Chị Lê Thị L - Sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm 8, thị trấn NS (xã Nga M cũ), huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

5/ Anh Nguyễn Duy P - Sinh năm 1989; địa chỉ; Xóm 4, xã Nga V, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt;

6/ Anh Nguyễn Văn M - Sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 3, xã Nga V, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt;

7/ Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1964; địa chỉ: Xã Nga Y; huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt;

8/ Anh Phạm Văn Bình - Sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm 7, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau:

Khoảng 0h 10 phút, ngày 30/8/2019, Tổ công tác Công an huyện Nga Sơn phối hợp cùng Công an xã Nga M tiến hành kiểm tra tại quán Royal (xóm 1, Nga M) phát hiện 07 đối tượng gồm Mai Văn K (chủ quán), Nguyễn Văn T, Trịnh Ngọc C, Mai Văn H, Lương Thị H, Trần Cao T và Trương Văn C đánh bạc dưới hình thức liêng ăn tiền, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.300.000đ, 01 bộ bài tú lơ khơ 52 cây và 08 điện thoại di động. Qua kiểm tra điện thoại của các đối tượng, cụ thể điện thoại của Lương Thị H thể hiện một số tin nhắn liên quan đến việc cho vay tiền có dấu hiệu của hành vi "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". H đã nhiều lần cho Trần Thị P (vợ Trần Cao T) vay tiền để P cho các cá nhân khác vay lại để hưởng mức lãi suất cao hơn.

Cơ quan Công an tiến hành làm việc với Trần Thị P để xác minh những sự việc về hoạt động cho vay lãi và P thừa nhận từ ngày 19/6/2019 đến ngày 28/8/2019, P cho Phạm Huy H vay 06 lần, tổng số tiền cho vay là 3.500.000.000đ (Ba tỷ năm trăm triệu đồng); lãi suất vay từ 3.000đ đến 4.000đ/01 triệu/01 ngày và P thu được số tiền là 126.000.000đ (Một trăm hai sáu triệu đồng). Tài sản H thế chấp để vay tiền của bị cáo là các loại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên H, thực hiện việc chứng thực tại các văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn.

Cụ thể: Ngày 19/6/2019, H điện cho Trần Cao T là người quen (chồng của bị cáo) vay số tiền 600 triệu đồng để đầu tư kinh doanh ngắn hạn. Sau đó H điện thoại cho P để vay tiền. Được P đồng ý, H mang theo tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên mình hoặc Giấy chứng nhận của người khác H mua lại nhưng chưa sang tên để thế chấp vay tiền của bị cáo. Hình thức thế chấp được P và H thống nhất: mang đến phòng công chứng làm hợp đồng chuyển nhượng, nhưng chưa làm thủ tục tại phòng cấp quyền để sang tên. Trường hợp H thực hiện trả nợ đúng hạn cả gốc và lãi thì P sẽ hủy hợp đồng chuyển nhượng để trả lại giấy chứng nhận QSDĐ

cho H; còn nếu đến hạn mà H không thực hiện thanh toán đúng như thỏa thuận thì P mang hợp đồng chuyển nhượng cùng giấy chứng nhận QSDĐ của H đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện sang tên cho bị cáo theo quy định.

Về lãi suất vay: nếu vay 15 ngày trả lãi một lần (vay ngắn hạn) mức lãi suất tính 4.000đ/01 triệu/01 ngày (tương ứng 12%/tháng; 144%/năm); nếu vay 01 tháng trả lãi một lần (vay dài hạn) mức lãi suất tính 3.000đ/01 triệu/01 ngày (tương ứng 0,9%/tháng, 108%/năm).

Nguồn gốc số tiền 600.000.000đ bị cáo cho H vay là P lấy từ nguồn tiền, gồm: 500 triệu đồng (vay quỹ tín dụng thị trấn ngày 19/6/2019) và 100 triệu đồng P lấy trong tổng số tiền vay của bà Phạm Thị X (mẹ đẻ) vào thời điểm tháng 6/2019 của số tiền vay 1,1 tỷ đồng. Các khoản vay trên P sử dụng đầu tư để mua đất.

Chiều ngày 19/6/2019, P giao số tiền 600 triệu đồng cho H và H đã ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ đối với thửa đất số 609, tờ bản đồ số 8, ký hiệu CR 215135, mang tên Phạm Huy H.

Ngày 11/7/2019, H thanh toán cho P toàn bộ số tiền gốc vay ngày 19/6/2019 và tiền lãi 36.000.000 (Ba sáu triệu đồng), thời gian tính lãi từ ngày 19/6 đến ngày 11/7/2019. Bị cáo đã giao lại cho H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hợp đồng chuyển nhượng ngày 19/6/2019.

Ngày 23/6/2019, H điện thoại hỏi vay thêm 1 tỷ đồng và được P đồng ý. Thời hạn vay 01 tháng, mục đích vay H đầu tư kinh doanh, mức lãi suất là 3.000đ/01 triệu/01 ngày. P lấy số tiền vay trước đó của bà X (mẹ đẻ) cho H vay. Ngày 24/6/2019, H và bị cáo đến phòng công chứng huyện Hà Trung làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 03 thửa đất đều mang tên Phạm Huy H, cụ thể: thửa số 24+204 9, tờ bản đồ số 6; thửa đất số 198+205, tờ bản đồ địa chính số 16 (đều ở địa chỉ: xã Hà N, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa); thửa đất số 514c, tờ bản đồ địa chính số 11 (địa chỉ: xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa). Ngày 24/7/2019, đến hạn H trả nợ tiền gốc vay của bị cáo nhưng do chưa có tiền trả nợ H xin được trả tiền lãi số tiền là 90 triệu đồng, còn số tiền gốc H đề nghị tiếp tục vay thêm với mức lãi suất đã thỏa thuận. P đồng ý và nhận số tiền lãi do H đưa. Số tiền lãi đó P sử dụng vào việc trả lãi cho tín dụng và chi tiêu cho gia đình.

Ngoài ra P còn cho H vay thêm 04 lần với số tiền là 1,9 tỷ đồng; mục đích cũng đầu tư kinh doanh, cụ thể:

- Ngày 29/7/2019, P cho H vay số tiền 600 triệu đồng, thời hạn vay 15 ngày, mức lãi suất tính 4.000đ/01 triệu/01 ngày. Hiếu đã thế chấp tài sản để vay tiền của Phương là giấy chứng nhận QSDĐ, thửa đất số 609, tờ bản đồ số 8, số ký hiệu CR 21535, mang tên Phạm Huy Hiếu (địa chỉ: thị trấn Nga Sơn) và hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ, ký kết ngày 19/6/2019 được ký giữa Phương và Hiếu;

- Ngày 05/8/2019, Phương cho Hiếu vay 500 triệu đồng, thời hạn vay 15 ngày, mức lãi suất tính 4.000đ/01 triệu/01 ngày, mục đích vay kinh doanh và Hiếu không thế chấp tài sản gì với bị cáo;

- Ngày 14/8/2019, Phương cho Hiếu vay 500 triệu đồng, thời hạn vay 01 tháng, mức lãi suất là 3.000đ/01 triệu/01 ngày. Hiếu thế chấp tài sản để vay tiền của Phương là Giấy chứng nhận QSDĐ, số ký hiệu thửa đất CR 215795, mang tên Nguyễn Thị Lâm, mẹ đẻ của Hiếu (địa chỉ: Xóm 5, xã Nga Yên) và hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa Lê Thị Liên và Nguyễn Thị Lâm, lập ngày 14/8/2019;

- Ngày 28/8/2019, Phương cho Hiếu vay 300 triệu đồng, hai bên chưa thỏa thuận về cách tính lãi suất và Hiếu không có thế chấp tài sản gì.

Đến hạn thanh toán (cuối tháng 8/2019) đối với các khoản tiền gốc và lãi Hiếu vay của Phương từ 24/6/2019 đến 14/8/2019 là 2,6 tỷ đồng. Do chưa có tiền trả cho bị cáo, Hiếu khất Phương lùi thời gian sang đầu tháng 9/2019 sẽ thanh toán tiền gốc và lãi vay của Phương. Phương đồng ý, sau đó viết lại các khoản vay cùng lãi suất ra giấy khác rồi chụp ảnh lưu vào điện thoại, còn giấy vay Phương đưa cho Hiếu giữ.

Ngày 30/8/2019, hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phương bị cơ quan điều tra phát hiện, đã tiến hành điều tra và xử lý đối với việc cho vay của Phương theo quy định.

Đối với khoản tiền Hiếu vay của bị cáo ngày 19/6/2019 với số tiền gốc 600 triệu và 36 triệu tiền lãi (tính từ ngày 19/6 đến ngày 11/7) là 22 ngày, tương ứng với mức lãi suất 8,18%/ tháng x 12 tháng= 98,18%/năm. Do đó, chưa đủ định lượng về tội cho vay lãi nặng để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Phương.

Đối với số tiền gốc 01 tỷ Hiếu vay bị cáo ngày 24/6/2019 và tiền lãi 90 triệu Phương nhận của Hiếu thanh toán ngày 24/7/2019, tương ứng mức lãi suất 9%/tháng x 12 tháng = 108%/năm, số tiền thu lời bất chính là của bị cáo là 72 triệu đồng, đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS.

Đối với số tiền P cho H vay: (1 tỷ cho vay lại của ngày 24/6/2019; 600 triệu đồng của ngày 29/7/2019; 500 triệu đồng của ngày 05/8/2019; 500 triệu đồng của ngày 14/8/2019). Tổng số tiền là 2,6 tỷ đồng do H chưa thanh toán tiền gốc và tiền lãi cho P và số tiền 300 triệu đồng H vay ngày 28/8/2019, do P và H chưa thỏa thuận về cách tính lãi suất nên không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo về các khoản vay này.

Quá trình điều tra còn làm rõ vào tháng 12/2018, bị cáo P còn đặt cọc 300 triệu đồng để mua nhà của anh Nguyễn Văn C (xóm 4, xã Nga V) và góp số tiền 1,2 tỷ (trong số 3 tỷ đồng) cùng Lương Thị H mua chung ngôi nhà của Bùi Văn Q (TK BĐ 2, thị trấn Nga Sơn). Tuy nhiên, anh C, anh Q hiện không có mặt tại địa phương để xác minh làm rõ bị cáo P có hành vi cho vay lãi nặng hay không. Do đó, chưa đủ cơ sở để xem xét xử lý bị cáo theo quy định.

Ngày 14/10/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Nga Sơn đã trả lại cho Phạm Huy H (chủ sở hữu) các Giấy chứng nhận QSDĐ số CQ 003614; số CQ 003613; Số CD 524341; số CR 215135 và ngày 30/10/2019 trả cho chị Lương Thị H các giấy biên nhận vay tiền lập ngày 11/6/2019 và 16/8/2019; 01 hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ lập ngày 26/7/2019 đối với thửa đất số 172, tờ bản đồ số 5.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại SAMSUNG J6, màu tím đen là của Trần Thị P, trong đó lưu giữ tin nhắn giữa bị cáo với Phạm Huy H; 01 điện thoại SAMSUNG J4 là của chị Lương Thị H trong đó lưu giữ tin nhắn trao đổi giữa Lương Thị H với Trần Thị Y về việc cho vay tiền và lãi. Hiện tại đang được Cơ quan điều tra thu giữ để xem xét xử lý theo quy định.

Tại phiên toà, đại diện VKSND huyện Nga Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Thị P theo cáo trạng số 55/CT-VKSNS-KT, ngày 26/11/2019 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự và đề nghị HĐXX:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 201; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của BLHS, xử phạt bị cáo từ 30 đến 33 tháng Cải tạo không giam giữ; không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo đang nuôi con dưới 03 tháng tuổi, nghề nghiệp lao động tự do nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Áp dụng điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS:

Truy thu số tiền gốc 01 tỷ đồng được xác định là phương tiện phạm tội của bị cáo P để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo P phải giao nộp khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 18 triệu đồng là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thị P trả lại khoản tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Huy H là 72 (Bảy mươi hai) triệu đồng.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại SAMSUNG J6, màu tím đen của bị cáo dùng vào việc phạm tội; Trả lại cho chị Lương Thị H 01 điện thoại SAMSUNG J4 không phải là vật chứng của vụ án.

Bị cáo có ý kiến tranh luận với VKS xem xét không truy thu số tiền lãi bị cáo đã sử dụng là 18 triệu đồng và bị cáo P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và căn cứ theo quy định tại các Điều 37; Điều 42 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Ngày 24/6/2019 bị cáo P đã thực hiện hành vi cho Phạm Huy H vay tiền lấy lãi theo hình thức vay dài hạn, mức lãi suất 108%/năm, thu lợi bất chính số tiền 72 triệu đồng. Hành vi cho vay lãi với mức lãi suất nêu trên của Trần Thị P đã cấu thành tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của BLHS như nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Lợi dụng từ việc người vay có nhu cầu cần sử dụng vốn để hoạt động kinh doanh, bị cáo đã sử dụng tiền vay từ nguồn vay khác nhau cho vay lại với lãi suất cao nhằm thu lời bất chính. Tuy vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi cho vay lãi suất cao của bị cáo diễn ra tại thời điểm loại tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen có chiều hướng gia tăng đột biến, gây tác động gián tiếp đến nhiều tội phạm khác trong xã hội. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, ảnh hưởng không nhỏ tới công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Đặc biệt tác động mạnh đến công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật liên quan đến tín dụng đen.

Bị cáo P là người có đầy đủ năng lực pháp luật, biết rõ việc cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm, vì mục đích hám lời bị cáo có thái độ xem thường pháp luật nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần có hình phạt tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo.

Xét các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc làm của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình phạm tội bị cáo đang mang thai và hiện tại bị cáo đã sinh con (dưới 03 tháng tuổi) nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, n, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài ra, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Mặt khác, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đang nuôi con nhỏ. Vì vậy, cần xem xét áp dụng Điều 36 BLHS phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo giao, bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung. Đồng thời cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội. Hiện tại bị cáo không có công việc và thu nhập nên không khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

[4] Hình phạt bổ sung: Bị cáo đang nuôi con nhỏ (dưới 03 tháng tuổi), con bị cáo lại bị bệnh đang điều trị theo chỉ định của bác sỹ để tiến hành phẫu thuật. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 3 Điều 201 của BLHS đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Đối với người có quyền lợi và người làm chứng đã được triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng họ vắng mặt. Tuy nhiên, họ đã có lời khai đầy đủ tại cơ quan điều tra, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[6] Biện pháp tư pháp:

Số tiền gốc bị cáo cho H vay là 01 tỷ đồng được xác định là phương tiện phạm tội nên bị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với khoản tiền lãi H trả cho bị cáo là 90 triệu đồng, với mức lãi suất là 3.000đ/1 triệu/ 1 ngày, bằng 108%/năm, bị cáo thu lời bất chính là 72 triệu đồng. Tuy nhiên, khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 108%/năm của 90 triệu thì 20% sẽ là 18 triệu đồng. Đây là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, do đó cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 18 triệu đồng đối với bị cáo.

Buộc bị cáo Trần Thị P phải trả lại số tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Huy H là 72 triệu đồng.

[7].Về vật chứng:Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại SAMSUNG J6, màu tím đen của bị cáo dùng vào việc phạm tội; trả lại cho chị Lương Thị H 01 điện thoại SAMSUNG J4 không phải là vật chứng của vụ án theo quy định.

[8].Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: Khoản 1 Điều 201; điểm i, n, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự;

***** Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị P phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự ".

***** Xử phạt: Bị cáo Trần Thị P 18 (*Mười tám*) tháng Cải tạo không giam giữ. Thời gian tính từ ngày UBND xã Nga V, huyện Nga Sơn, nhận được Quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

* Biện pháp tư pháp: Áp dụng điều 46; khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 BLHS:

Truy thu số tiền gốc 01 tỷ đồng được xác định là phương tiện phạm tội của bị cáo P để sung quỹ Nhà nước.

Buộc bị cáo P phải giao nộp khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm là 18 triệu đồng là tiền do phạm tội mà có để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Buộc bị cáo Trần Thị P trả lại khoản tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Huy H là 72 (Bảy mươi hai) triệu đồng.

* Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại SAMSUNG J6, màu tím đen của bị cáo dùng vào việc phạm tội; Trả lại cho chị Lương Thị H 01 điện thoại SAMSUNG J4. (*Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/11/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn*).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: buộc bị cáo P phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí HSST.

* Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Nga Sơn;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người có QL-NVLQ;
- Phòng GĐ-KT Toà án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Huệ